

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/5/2022

V/ v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Dung.
2. Ông Đinh Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Hương Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Kiều Thị Z, sinh năm 1994.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh H. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1993.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm N, xã S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Hiện đang lao động xuất khẩu ở nước X. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Kiều Thị Z trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quang H đăng ký kết hôn năm 2019 tại UBND xã S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian ngắn ở gia đình nhà chồng tại xã S, thành phố T. Từ tháng 7 năm 2019, anh H xuống Hà Nội học tiếng và làm các thủ tục để đi lao động xuất khẩu ở nước X. Còn chị về ở tại nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh H, đến

khi chuẩn bị sinh con thì chị về lại nhà bố mẹ anh H và sinh con tại Bệnh viện đa khoa trung tâm T. Khi con đầy tháng chị cùng con về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ và nuôi dưỡng chăm sóc con chung từ đó cho đến nay. Thời gian đầu anh H đi làm việc tại nước X vợ chồng vẫn giữ liên lạc, được khoảng nửa năm thì chị phát hiện anh H vay tiền để chơi cờ bạc, các chủ nợ gọi điện, nhắn tin đe dọa người thân, gia đình, bạn bè của chị để đòi trả nợ thay cho anh H, nên từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Từ khoảng đầu năm 2020, anh H không liên lạc và không gửi tiền về để chị nuôi con. Bản thân chị cảm thấy chán nản vì bị anh H lừa dối, không tu chí làm ăn, chơi bời nợ nần nên cuộc sống vợ chồng rơi vào bế tắc, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân, từ năm 2019 đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau. Cuối năm 2021 thì mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, thường xuyên bất đồng quan điểm. Chị Z xác định không còn tình cảm yêu thương với anh H nữa, nên xin được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 25/12/2019, hiện nay cháu đang ở với chị tại thôn H, xã N, huyện L, tỉnh H. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với ông Nguyễn Thanh T (bố đẻ của anh Nguyễn Quang H), Địa chỉ: Xóm N, xã S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, xác định được sau khi nhận các văn bản của Tòa án, ông có thông tin cho anh H được biết việc chị Z đang yêu cầu xin ly hôn với anh, thì anh H có gọi điện về trao đổi lại với nội dung như sau: “*Anh và chị Z được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định nhưng chưa được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng có sinh sống cùng nhau khoảng một tuần tại gia đình nhà ông T, địa chỉ xã S, thành phố T. Sau đó anh H xuống Hà Nội học tiếng và làm thủ tục để sang nước X làm việc. Từ tháng 7/2019 anh H bắt đầu sang Nhật Bản. Được nửa tháng sau thì chị H tự ý về nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh H ở, đến khi sinh chuẩn bị sinh con chị Z có về nhà ông T để sinh. Sau khi con được hơn tháng thì chị Z về nhà ngoại ở từ đó cho đến nay. Đối với việc chị Z xin ly hôn với anh, anh đã được chị Z và gia đình thông tin. Anh không có ý kiến gì về việc chị Z xin ly hôn*”. Bên phía gia đình anh H là ông T cho biết: “*Hôn nhân là do anh H và chị Z tự tìm hiểu và kết hôn, có đi đăng ký kết hôn. Còn việc có sống được với nhau hay không là do anh chị tự quyết định, gia đình không can thiệp vào chuyện tình cảm của các con. Về con chung: vợ chồng có 01 con là Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 25/12/2019, hiện nay cháu đang ở với mẹ tại thôn H, xã N, huyện L, tỉnh H như chị Z đã khai là đúng. Khi ly hôn chị Z có nguyện vọng được nuôi cháu T, không*

yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng. Hiện nay do anh H đang ở nước ngoài, cháu T từ nhỏ vẫn ở cùng chị Z nên anh H nhất trí để chị Z được nuôi con, nhưng anh yêu cầu chị Z không được chuyển hộ khẩu cho cháu về địa chỉ thôn H, xã N, huyện L, tỉnh H vì anh có nguyện vọng sau này khi anh về Việt Nam anh và gia đình anh sẽ tạo điều kiện chăm sóc tốt nhất cho cháu. Về cấp dưỡng, chị Z không yêu cầu nên anh không có ý kiến gì. Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không đề nghị, không có yêu cầu gì. Hiện nay anh đang ở nước ngoài không thể về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn với chị Z được anh có nguyện vọng giải quyết vắng mặt”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Z, cho chị Z được ly hôn với anh H; Con chung là Nguyễn Ngọc Anh T, sinh năm 2019 giao cho chị Z trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho anh H do chị Z không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết. Chị Z phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn trong vụ án anh Nguyễn Quang H không có mặt ở Việt Nam. Tại Công văn số 4864/QLXNC-P5 ngày 10/3/2022 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an xác định: Nguyễn Quang H, sinh ngày 24/9/1993 có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 16/7/2019 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, chị Kiều Thị Z chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của anh H ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh H ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của anh H là ông Nguyễn Thanh T (bố đẻ anh H), có đủ căn cứ xác định anh H vẫn liên hệ với gia đình

nhưng gia đình cũng không cung cấp được địa chỉ của anh H và anh H cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Mặc dù Tòa án đã yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ anh H hiện nay ở nước ngoài nhưng gia đình anh H và chị Z cũng vẫn không cung cấp địa chỉ của anh H. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa chị Kiều Thị Z và anh Nguyễn Quang H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.1.] Theo chị Z sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian cùng chung sống hạnh phúc, vui vẻ ở tại nhà bố mẹ anh H. Nhưng chỉ được một thời gian ngắn, anh H phải làm thủ tục đi sang nước ngoài làm việc. Qua một thời gian chị phát hiện anh H chơi bời, nợ nần, không tu chí làm ăn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng về quan điểm, mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng. Hiện nay vợ chồng đã không còn quan tâm, yêu thương đến nhau nữa. Bản thân chị Z thấy không còn tình cảm với anh H nên chị không có ý định hàn gắn để vợ chồng quay lại với nhau, mà anh H cũng bỏ mặc không có ý kiến gì, nên chị có nguyện vọng được Tòa án giải quyết cho ly hôn để giải phóng cho nhau. Về phía bị đơn anh H: Mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước (bố đẻ của anh H), anh cũng xác định đã biết được việc chị Z xin ly hôn. Thông qua gia đình và chị Z có liên hệ cho anh nhưng anh H bỏ mặc, không có ý thức vun vén, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Như vậy, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn giữa chị Z và anh H đã thực sự trầm trọng, giữa vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự quan tâm và thương yêu nhau, cũng không ai có ý muốn tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân này. Mục đích hôn nhân theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam các bên đều không thực hiện được, nếu có tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc như mong muốn, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Z, cho chị Z được ly hôn với anh H là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[2.2.] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 25/12/2019. Khi ly hôn chị Z có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung. Phía anh H cũng nhất trí, nhưng yêu cầu chị Z không được chuyển hộ khẩu của con về quê. Thấy rằng, từ khi con chung sinh ra đều do chị Z chăm sóc và nuôi dưỡng, để đảm bảo sự ổn định và điều kiện tốt nhất

của con trẻ khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử giao con chung là Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 25/12/2019 cho chị Z trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, đảm bảo đúng quy định của pháp luật tại Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị Z không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[2.3.] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Z xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Phía anh H không có lời khai chính thức bằng văn bản thể hiện ý kiến, quan điểm của mình, nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[3] Án phí: Chị Z phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm về đường lối giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Kiều Thị Z với anh Nguyễn Quang H. Chị Kiều Thị Z được ly hôn với anh Nguyễn Quang H.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 25/12/2019 cho chị Z trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh H do chị Z không yêu cầu.

Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Kiều Thị Z phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000078 ngày 03/3/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị Z được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Anh H được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã L.S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Thị Thủy